

Bản án số: 03/2024/LĐ-ST  
Ngày: 24/5/2024  
V/v tranh chấp đòi tiền công  
lao động

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Thanh Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang – Cán bộ hưu trí

Bà Hồ Thị Út – Nguyên Chủ tịch Liên đoàn lao  
động thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân  
thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Thành Nghiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp đòi tiền công lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang L, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Quang S, sinh năm 1974 (Tên gọi khác: Núi Nhỏ); Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Quang L trình bày: Vào thời điểm từ khoảng năm 2021-2022, bị đơn Hồ Quang S (Núi Nhỏ) có nhiều lần thuê nguyên đơn làm thợ hồ cho công trình

xây dựng, nhưng không liên tục, theo hình thức thuê trả công theo ngày, mỗi lần làm đều dưới 01 tháng nên không có lập hợp đồng bằng văn bản mà chỉ giao kết bằng lời nói. Phía bị đơn cũng đã thanh toán một phần tiền công lao động hiện nay còn nợ 14.750.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 14.750.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Hồ Quang S** (Núi Nhỏ) vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:* Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Quang L**, buộc bị đơn ông **Hồ Quang S** (N) trả lại cho nguyên đơn số tiền 14.750.000 đồng. Về án phí lao động sơ thẩm, bị đơn ông **Hồ Quang S** (Núi Nhỏ) phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả lại tiền công lao động, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn **thị xã L**. Do đó, đây là “Tranh chấp đòi tiền công lao động”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019.

[2] Bị đơn ông **Hồ Quang S** (Núi Nhỏ) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 14.750.000 đồng tiền công lao động. Hội đồng xét xử nhận định, mặc dù quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Hồ Quang S** (N) vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào biên bản hòa giải tại cơ sở ngày 10/4/2023, bị đơn có ý kiến công nhận số nợ tiền công lao động, đồng thời bị đơn xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 10/5/2023. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15/5/2024 đại diện chính quyền địa phương xác định nội dung biên bản hòa giải ngày 10/4/2023 là đúng lời thừa nhận của bị đơn ông **Hồ Quang S** (Núi Nhỏ). Do đó, lời thừa nhận của bị đơn là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 “Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả



lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể”. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ lao động. Đồng thời, căn cứ vào khoản 2 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019 “Hai bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng”.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông **Lê Quang L** số tiền 14.750.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu lãi chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** phải chịu theo quy định pháp luật mức án phí là 14.750.000 đồng x 3% = 442.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 14, Điều 217 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Quang L** về việc yêu cầu bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** trả tiền công lao động.

[2] Buộc bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông **Lê Quang L** số tiền 14.750.000 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** phải nộp 442.500 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn ông **Lê Quang L** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/5/2024). Bị đơn ông **Hồ Quang S (N)** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Châu Thanh Quyền**